

# Chương 5

**Kế toán chi phí sản xuất và  
tính giá thành theo chi  
phí định mức**

- Khái quát về CPSX định mức và giá thành định mức
- Ý nghĩa của CPSX định mức và giá thành định mức
- Định mức chi phí sản xuất
- Kế toán CPSX và giá thành sản phẩm theo chi phí định mức

# I. Khái quát về CPSX định mức và giá thành định mức

## 1. Khái niệm:

CPSX định mức: Khoản CPNVLTT, CPNCTT,

CPSXC định mức tiêu hao để sản xuất một sản phẩm.

Giá thành định mức: CPSX định mức để SX 1 sp

## 2. So sánh các mô hình tính giá thành

Mô hình	Chi phí NVLTT	CP NCTT	CP SXC
Chi phí thực tế	Chi phí thực tế	Chi phí thực tế	Chi phí thực tế
Chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính	Chi phí thực tế	Chi phí thực tế	Chi phí ước tính
Chi phí định mức	Chi phí định mức	Chi phí định mức	Chi phí định mức

## **II. Ý nghĩa của chi phí sản xuất định mức và giá thành định mức**

- ❖ Căn cứ để lập dự toán
- ❖ Định mức giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động
- ❖ Căn cứ để kiểm soát chi phí và hiệu quả hoạt động

# III. Xây dựng chi phí sản xuất định mức và giá thành định mức

## 1. Căn cứ định mức CPSX

Tiêu chuẩn kỹ thuật (thiết kế).

Qui cách, chất lượng NVL.

Tình trạng kỹ thuật của MMTB.

Trình độ công nhân.

Năng lực (công suất) SX...

## 2. Định mức năng lực (công suất) SX.

a. Năng lực SX: SL SP ước tính SX trong kỳ.

## **b. Các loại năng lực sản xuất:**

- ❖ NLSX lý thuyết: SL SP tối đa có thể sản xuất được trong các điều kiện lý tưởng
  - ✓ Máy móc thiết bị: không hư hỏng
  - ✓ Công nhân sản xuất: làm việc đúng giờ, không gián đoạn...
  - ✓ Cung ứng nguyên liệu và dịch vụ khác: cung ứng nguyên liệu và các dịch vụ khác đầy đủ, kịp thời để sản xuất không bao giờ bị gián đoạn.
- => Định mức không khả thi

## ❖ NLSX thực tế

- SL sp có thể sản xuất trong các điều kiện hợp lý hoặc thực tế.
- Có 2 loại định mức năng lực sản xuất thực tế:
  - ✓ NLSX bình thường: SL SPSX hợp lý bình quân của nhiều năm
  - ✓ NLSX dự kiến hàng năm: SLSPSX hợp lý được định mức dựa trên NLSX bình thường và những nhân tố có thể ảnh hưởng.
- DN thường sử dụng NLSX bình thường để định mức CP.

### 3. Định mức CPNVL trực tiếp

Chi phí NVL trực tiếp định mức một sản phẩm = Số lượng NVL trực tiếp định mức để sản xuất một sản phẩm x Đơn giá mua định mức của NVL trực tiếp

### 4. Định mức chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí NC trực tiếp định mức một sản phẩm = Số lượng thời gian lao động trực tiếp định mức để sản xuất một sản phẩm x Đơn giá định mức của lao động trực tiếp

### 3. Định mức chi phí sản xuất chung

$$\text{CP SXC định mức một giờ máy (giờ lao động trực tiếp)} = \frac{\text{Tổng CPSXC dự toán}}{\text{Tổng số giờ máy sản xuất (giờ lao động trực tiếp sản xuất) ước tính}}$$

$$\text{Chi phí sản xuất chung định mức một sản phẩm} = \text{Chi phí SXC định mức một giờ máy (giờ lao động trực tiếp)} \times \text{Lượng giờ máy, giờ lao động trực tiếp... để sản xuất một sản phẩm}$$

## Xác định GT định mức của SP:

Giá thành định mức của SP bao gồm:

- ✓ CP NVLTT định mức SX 1 SP.
- ✓ CP NCTT định mức SX 1 SP.
- ✓ CP SXC định mức SX 1 SP.

# IV. Kế toán CPSX và giá thành sản phẩm theo chi phí định mức

## 1. Đặc điểm.

Để cung cấp thông tin kiểm soát thực hiện ĐMCP, thì CP phải phản ánh theo ĐM, còn khoản CL giữa CPTT và CPĐM, phản ánh ở TK “chênh lệch” (TK chi tiết)

Khoản CL giữa CPTT và CPĐM được gọi là khoản biến động giữa CPTT và CPĐM.

$CPTT < CPĐM$ : Biến động tốt (T)

$CPTT > CPĐM$ : Biến động xấu (X)

Khoản CL giữa CPTT và CPĐM phải phân bổ cho các đối tượng vào thời điểm lập BCTC

Nợ

TK “Chênh lệch CP”

Có

- Biến động xấu
- Cuối kỳ kết chuyển khoản biến động tốt.

- Biến động tốt
- Cuối kỳ kết chuyển khoản biến động xấu.

## 2. Kế toán nguyên vật liệu

### a. Nguyên tắc kế toán

- Kế toán nhập, xuất kho NVL phản ánh trên tài khoản 152- NVL theo số lượng thực tế và giá mua định mức.
- Khoản CL giữa giá mua thực tế và giá mua định mức khi nhập kho NVL phản ánh ở TK “CL giá mua”

### b. Xác định biến động giá mua NVL

$$\begin{array}{l} \text{Biến động giá mua} \\ \text{nguyên vật liệu} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{nhập kho} \\ \text{thực tế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{(Đơn giá mua thực tế - Đơn} \\ \text{giá mua định mức)} \end{array}$$

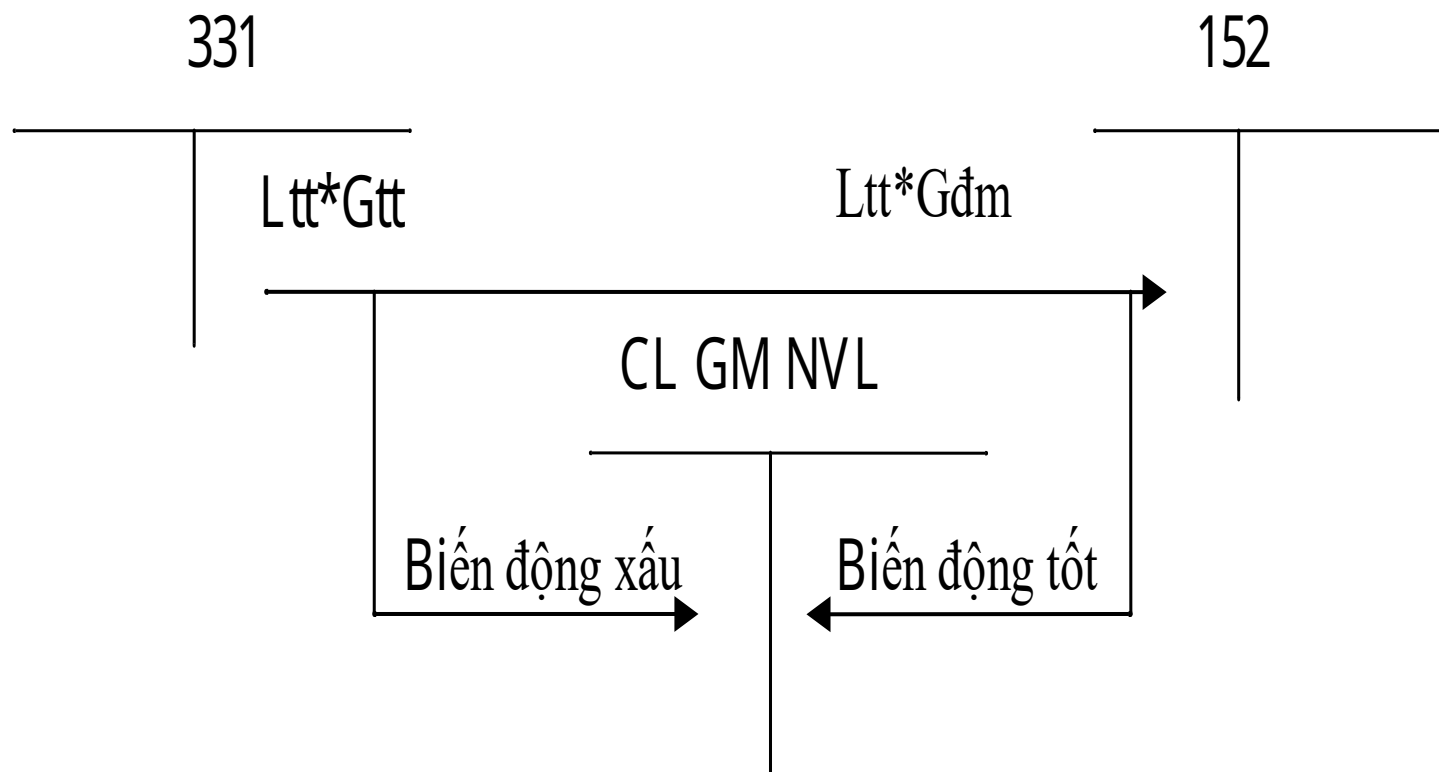
### c. Sơ đồ kế toán nhập kho NVL

Ltt: Lượng NVL thực tế nhập kho

Gtt: Giá mua thực tế 1 đơn vị NVL

Gđm: Giá mua định mức 1 đơn vị NVL

CLGM NVL: Chênh lệch giá mua NVL



# 3. Kế toán tập hợp chi phí NVL trực tiếp

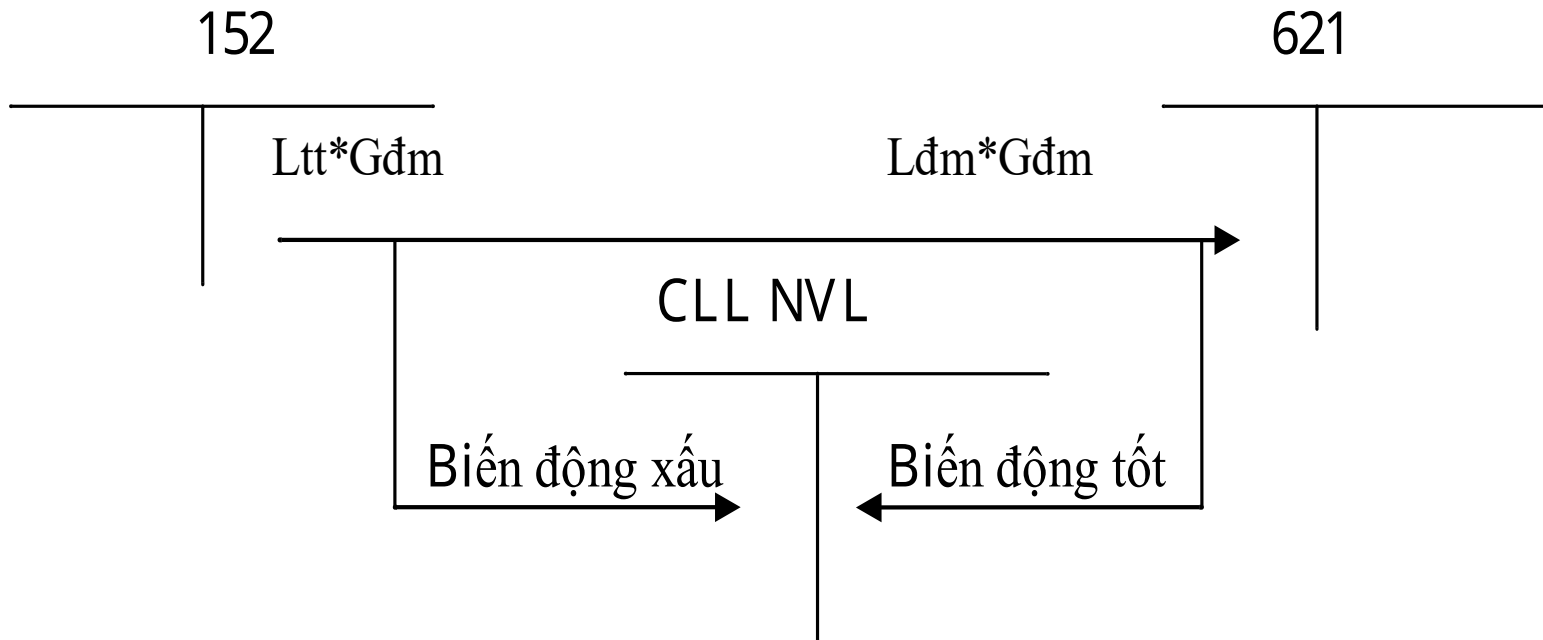
a. Nguyên tắc kế toán:

- ❖ Tập hợp CP NVL trực tiếp theo chi phí định mức
- ❖ Khoản CL giữa CP thực tế và CP định mức do lượng NVL sử dụng thực tế khác định mức, phản ánh ở TK “CL lượng NVL trực tiếp”

## **b. Xác định biến động CP NVL trực tiếp:**

Biến động lượng nguyên vật liệu	=	Đơn giá mua định mức	x	(Lượng thực tế sử dụng – Lượng định mức sử dụng)
---------------------------------	---	----------------------	---	--

# c. Sơ đồ kế toán tập hợp CP NVL trực tiếp



Ltt: Lượng NVL trực tiếp thực tế sử dụng

Lđm: Lượng NVL trực tiếp định mức sử dụng

Gđm: Giá mua định mức một đơn vị nguyên vật liệu

CLL NVL: CL lượng nguyên vật liệu

Ví dụ: Tại một công ty chế biến gỗ có tình hình sau

- a. Ngày 2/1: mua gỗ và nhập kho đủ theo hóa đơn của người bán là  $30 \text{ m}^3$  , đơn giá là  $5.200.000\text{đ}/ \text{m}^3$  . Loại gỗ này có giá mua định mức  $5.000.000\text{đ}/ \text{m}^3$  .
- b. Ngày 2/1: nhận phiếu xuất nguyên vật liệu xuất  $26 \text{ m}^3$  gỗ để sản xuất (định mức  $0,3 \text{ m}^3$  gỗ/1 cánh cửa).

- Giả sử trong tháng công ty sản xuất hoàn thành 90 cánh cửa, với chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp như trên, cuối tháng kế toán kết chuyển chi phí.

Ví dụ: Tại một công ty chế biến gỗ có tình hình sau

- a. Ngày 2/1: mua gỗ và nhập kho đủ theo hóa đơn của người bán là  $30 \text{ m}^3$  , đơn giá là  $4.900.000\text{đ}/ \text{m}^3$  . Loại gỗ này có giá mua định mức  $5.000.000\text{đ}/ \text{m}^3$  .
- b. Ngày 2/1: nhận phiếu xuất nguyên vật liệu xuất  $28 \text{ m}^3$  gỗ để sản xuất (định mức  $0,3 \text{ m}^3$  gỗ/1 cánh cửa).

- Giả sử trong tháng công ty sản xuất hoàn thành 90 cánh cửa, với chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp như trên, cuối tháng kế toán kết chuyển chi phí.

# 4. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

## a. Nguyên tắc kế toán

- ❖ Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp theo chi phí định mức.
- ❖ Kế toán khoản CL giữa CPTT và CPĐM, phản ánh ở TK “Chênh lệch lượng lao động trực tiếp” và “Chênh lệch giá lao động trực tiếp”

## b. Xác định biến động chi phí nhân công trực tiếp

- Xác định biến động lượng lao động trực tiếp

Biến động  
lượng lao động  
trực tiếp = Giá định mức một giờ  
lao động trực tiếp

(Số giờ LĐTT thực tế để SX  
\* SLSPTT – Số giờ LĐTT định  
mức để SX SLSPTT)

- Xác định biến động giá lao động trực tiếp

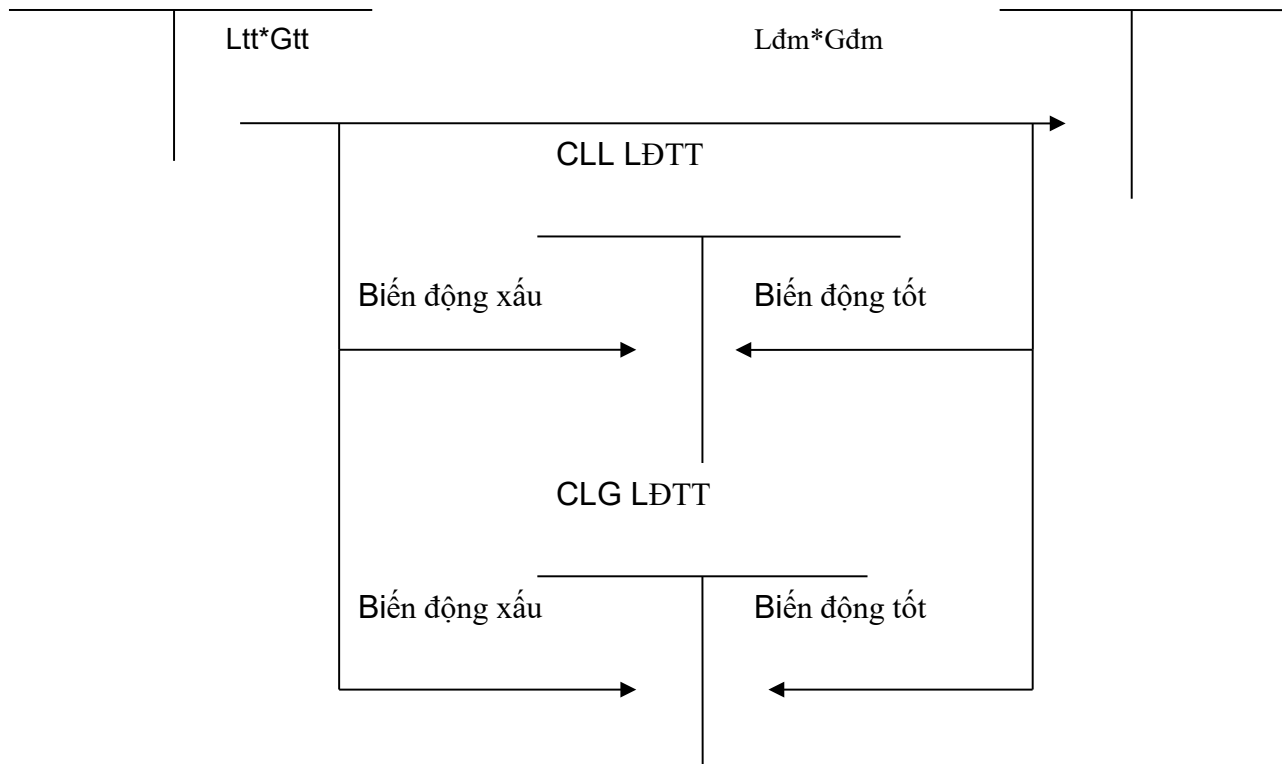
Biến động giá  
lao động trực  
tiếp = Số giờ LĐ TT thực tế để  
SX SLSPTT

(Giá thực tế 1 giờ lao động  
\* trực tiếp- Giá ĐM 1 giờ  
LĐTT)

# c. Sơ đồ kế toán CPNC trực tiếp

334, 338

622



## Ví dụ 1:

Định mức thời gian lao động trực tiếp để sản xuất là 2 giờ/1 cánh cửa, và định mức đơn giá lao động trực tiếp là 10.000đ/giờ. Báo cáo của phân xưởng sản xuất, thời gian lao động trực tiếp sản xuất hoàn thành 90 cánh cửa là 175 giờ, đơn giá bình quân là 12.000 đ/1 giờ lao động trực tiếp.

## Ví dụ 2:

Định mức thời gian lao động trực tiếp để sản xuất là 2,5 giờ/1 sp, và định mức đơn giá lao động trực tiếp là 13.000đ/giờ. Báo cáo của phân xưởng sản xuất, thời gian lao động trực tiếp sản xuất hoàn thành 100 sp là 255 giờ, đơn giá bình quân là 12.000 đ/1 giờ lao động trực tiếp.

Ví dụ 3:

- Định mức thời gian lao động trực tiếp để sản xuất là 1,5 giờ/1 sp, và định mức đơn giá lao động trực tiếp là 11.000đ/giờ. Báo cáo của phân xưởng sản xuất, thời gian lao động trực tiếp sản xuất hoàn thành 200 sp là 240 giờ, đơn giá bình quân là 9.000 đ/1 giờ lao động trực tiếp.

## Ví dụ 4:

- Định mức thời gian lao động trực tiếp để sản xuất là 3 giờ/1 sp, và định mức đơn giá lao động trực tiếp là 21.000đ/giờ. Báo cáo của phân xưởng sản xuất, thời gian lao động trực tiếp sản xuất hoàn thành 200 sp là 640 giờ, đơn giá bình quân là 25.000 đ/1 giờ lao động trực tiếp.

# 5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

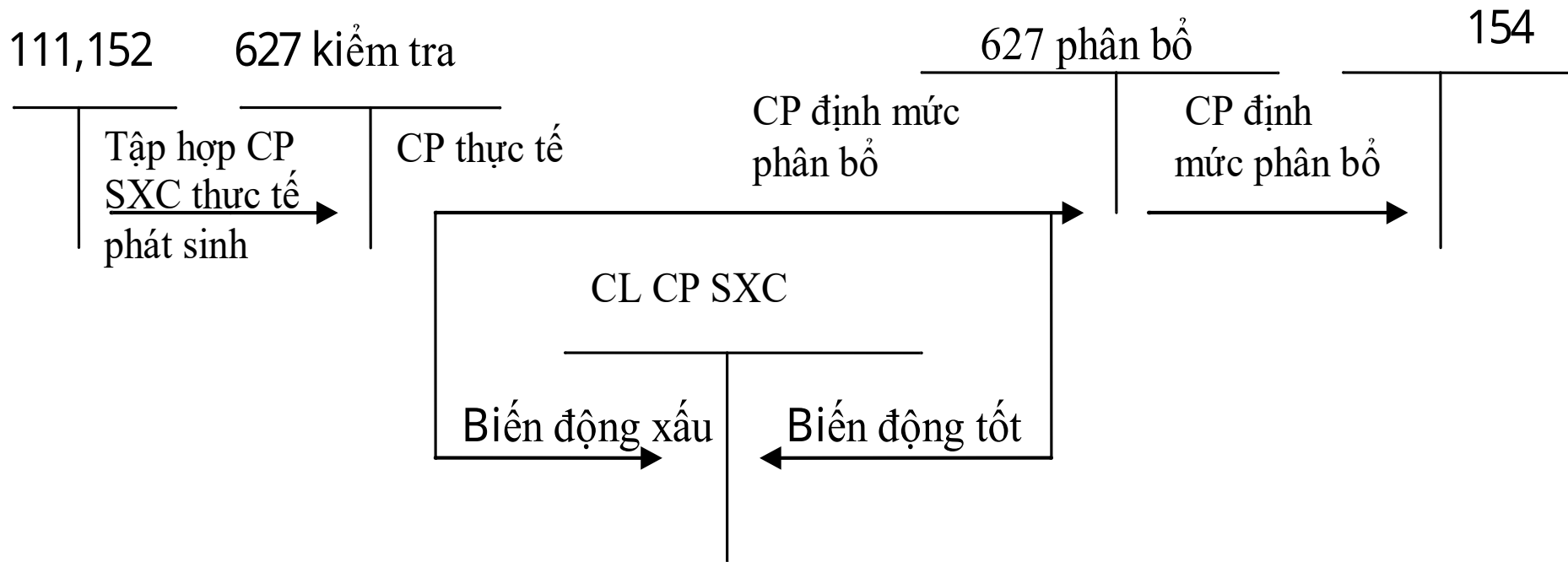
## a. Nguyên tắc kế toán

- ❖ Kế toán tập hợp CPSXC thực tế phát sinh, phản ánh bên nợ của TK 627- CP SXC kiểm tra (Tài khoản chi tiết)
- ❖ Kế toán phân bổ CPSXC cho từng đối tượng tính Z theo chi phí định mức (dự toán) phản ánh bên có TK 627 – CPSXC phân bổ (TK chi tiết)
- ❖ Kế toán khoản CL giữa CP thực tế và CPĐM phân bổ, phản ánh ở TK “Chênh lệch CPSXC” (tài khoản chi tiết).

## b. Xác định tổng biến động CP SXC

$$\text{Tổng biến động CP SXC} = \text{Chi phí SXC thực tế} - \text{Chi phí SXC định mức phân bổ}$$

c. Sơ đồ kế toán



# Ví dụ:

Báo cáo hoạt động sản xuất trong tháng 04/2025 như sau:

- Sản lượng sản phẩm hoàn thành: 90 sản phẩm
- Số giờ lao động trực tiếp định mức 2 giờ/1sp
- Chi phí sản xuất chung định mức để sản xuất là 161.000đ/1 giờ lao động trực tiếp.

- Tổng cộng chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng là 33.100.000đ trong đó gồm tiền lương quản lý phân xưởng 8.800.000đ, chi phí khác còn phải trả cho người bán là 24.300.000đ.

Báo cáo hoạt động sản xuất trong tháng 04/2025 như sau:

- Sản lượng sản phẩm hoàn thành: 80 sản phẩm
- Số giờ lao động trực tiếp định mức 3 giờ/1sp
- Chi phí sản xuất chung định mức để sản xuất là 200.000đ/1 giờ lao động trực tiếp.

- Tổng cộng chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng là 50.000.000đ trong đó gồm tiền lương quản lý phân xưởng 25.000.000đ, chi phí khác còn phải trả cho người bán là 20.000.000, khấu hao 5.000.000 đ.

## 6. Kế toán tổng hợp CP SX và tính giá thành

- Kế toán tổng hợp CPSX cho từng đối tượng tính giá thành theo CPĐM.
- Đánh giá SPDD theo sản lượng hoàn thành tương đương và chi phí sản xuất định mức.
- Kế toán thành phẩm nhập, xuất kho phản ánh theo giá thành định mức.

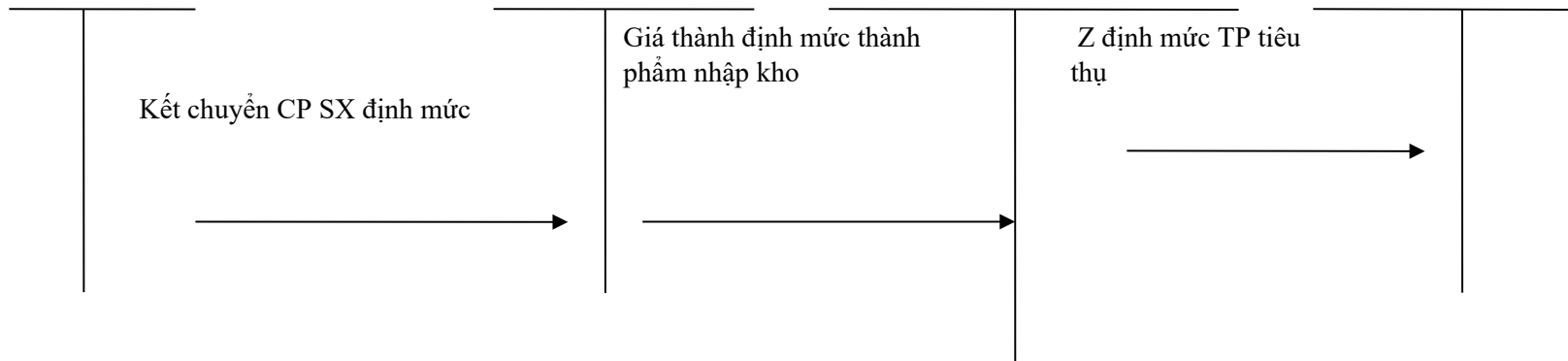
# b. Sơ đồ kế toán

621, 622, 627

154

155

632



# Xác định giá thành thực tế của sản phẩm

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Giá} & & \text{Biến} & & \text{Biến} \\ \text{tế} & = & \text{thành} & - & \text{động} & + & \text{động} \\ & & \text{định mức} & & \text{tốt} & & \text{xấu} \end{array}$$

# 7. Xử lý khoản chênh lệch giữa CP thực tế và CP định mức

Sự cần thiết: lập báo cáo tài chính

Thời điểm xử lý: Thời điểm lập báo cáo tài chính.

Cách xử lý:

- Chênh lệch nhỏ: được phân bổ hết vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Chênh lệch lớn: được phân bổ vào giá mua NVL tồn kho, CP SXDD cuối kỳ, giá thành TP tồn kho, TP gửi bán, giá vốn hàng bán.

Tiêu thức phân bổ: Số lượng SP, trọng lượng NVL...

# Sơ đồ kế toán:

TK chênh lệch

152, 154, 155, 632

TK chênh lệch

